

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN ĐƯỢC HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Thông báo số: /TB- ĐHLN-CTCTSV ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng)

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Điểm học	Kết quả rèn	Loại học	Số tiền (đồng)
I. Khóa 66							116,440,000
1.1. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử							18,040,000
1	TẠ QUỐC TRIỆU	2175102030338	K66A_CNCĐT	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	LÊ QUÝ DUY	2175102030817	K66A_CNCĐT	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
1.2. Ngành Kiến trúc cảnh quan							9,020,000
1	THIỀU ĐỖ LINH CHI	2175801100606	K66A_KTCQ	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
1.3. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô							27,060,000
1	DƯƠNG THANH TÚ	2175102051036	K66A_CNOT	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	NGUYỄN VĂN QUÝ	2175102050834	K66A_CNOT	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
3	TRẦN KIM TĂNG	2175102050415	K66A_CNOT	3.75	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
1.4. Ngành Quản lý tài nguyên rừng							27,060,000
1	LANG TRUNG THÀNH	2174801040730	K66A_QLTNR	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	LANG MINH KHƯƠNG	2176202110278	K66A_QLTNR	3.8	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
3	LÝ MẠNH HÀ	2176202110786	K66A_QLTNR	3.8	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
1.5. Ngành Thú y							26,240,000
1	PHAN THỊ HÂN	2176401011182	K66A_Thú y	3.63	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	ĐOÀN THỊ HẰNG	2176401011004	K66A_Thú y	3.47	Tốt	Giỏi	8,610,000
3	ĐẶNG KHÁNH CHI	2173403010764	K66A_Thú y	3.44	Tốt	Giỏi	8,610,000
1.6. Ngành Kỹ thuật xây dựng							9,020,000
1	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	2175802010903	K66A_KTXD	3.95	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
II. Khóa 67							461,570,000
2.1. Ngành Kinh tế							8,250,000
14	NGUYỄN THỊ HẠNH	2273101010782	K67A-Kinh tế	4	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
2.2. Ngành Kế toán							100,815,000
1	NGUYỄN THỊ THÚY NGÀN	2273403010504	K67B-Kế toán	4	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
2	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	2273403010804	K67B-Kế toán	3.88	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
3	NGUYỄN HÀ NA	2273403010582	K67A-Kế toán	3.86	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
4	NGUYỄN MỸ HẠNH	2273403010769	K67A-Kế toán	3.81	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
5	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	2273403010774	K67A-Kế toán	3.81	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
6	VŨ THỊ BÍCH PHƯƠNG	2273403010586	K67B-Kế toán	3.8	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
7	NGUYỄN THỊ HÀ MAI	2273403010857	K67A-Kế toán	3.78	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
8	MAI HƯƠNG GIANG	2273403010915	K67A-Kế toán	3.78	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
9	TRẦN THỊ HƯƠNG	2273401010719	K67B-Kế toán	3.75	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
10	PHÙNG THỊ HẢI KHÁNH	2273403010454	K67B-Kế toán	3.64	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
11	NGUYỄN THÁI MINH HUY	2273403010534	K67A-Kế toán	3.61	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
12	NGUYỄN HÀ DUYÊN	2273403010713	K67A-Kế toán	3.61	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
13	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	2273403010147	K67B-Kế toán	3.60	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
2.3. Ngành Công nghệ sinh học							15,960,000
1	BÙI ÚT THOM	2274202010162	K67A-CNSH	3.81	Tốt	Giỏi	7,980,000
2	CHU QUỲNH HOA	2274202010161	K67A-CNSH	3.31	Tốt	Giỏi	7,980,000
2.4. Ngành Lâm sinh							9,020,000
1	LỤC HỒNG ĐĂNG	2276202050330	K67A-Lâm sinh	3.94	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2.5. Ngành Quản trị kinh doanh							62,040,000

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Điểm học	Kết quả rèn	Loại học	Số tiền (đồng)
1	NGUYỄN THỊ THU	2273401010373	K67A-QTKD	3.95	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
2	LÊ YẾN NHUNG	2273401010377	K67A-QTKD	3.94	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
3	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	2273401010842	K67A-QTKD	3.94	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
4	TRẦN THỊ THÙY DUNG	2273401010826	K67A-QTKD	3.94	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
5	PHẠM TRẦN THU HÀ	2273401010416	K67A-QTKD	3.93	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
6	LÊ HOÀNG ANH	2273401010138	K67A-QTKD	3.93	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
7	TRẦN NHƯ QUỲNH	2273401010460	K67A-QTKD	3.89	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
8	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	2273401010336	K67A-QTKD	3.86	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
2.6. Ngành Quản lý tài nguyên rừng							45,100,000
1	PHẠM DIỆU HÀ	2276202110908	K67A-QLTNR	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	NGUYỄN THỊ THÚY	2276202110395	K67A-QLTNR	3.93	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
3	HÀ VĂN QUÂN	2276202110676	K67A-QLTNR	3.9	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
4	THÙNG KIM OANH	2276202110631	K67A-QLTNR	3.84	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
5	HOÀNG THỊ THANH TUYỆ	2276202110195	K67A-QLTNR	3.78	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2.7. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử							17,220,000
1	VŨ TIẾN NGỌC	2275102030974	K67A-CNCĐT	3.63	Tốt	Giỏi	8,610,000
2	TRƯƠNG VĂN GIANG	2275102030567	K67A-CNCĐT	3.33	Tốt	Giỏi	8,610,000
2.8. Ngành Quản lý đất đai							31,875,000
1	PHẠM PHÚ QUÝ	2278501030681	K67A-QLĐĐ	3.94	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
2	NGUYỄN MINH HUYỀN	2273401160544	K67A-QLĐĐ	3.61	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
3	VI LÊ TÙNG DƯƠNG	2278501030490	K67A-QLĐĐ	3.28	Tốt	Giỏi	7,875,000
4	LÊ TUẤN ANH	2273401010972	K67A-QLĐĐ	3.33	Khá	Khá	7,500,000
2.9. Ngành Dịch vụ du lịch và lữ hành							32,250,000
1	TRẦN MINH ĐỨC	2278101030838	K67A-QTDLLH	3.81	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
2	NGUYỄN THẢO PHƯƠNG	2273401010864	K67A-QTDLLH	3.63	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
3	PHÙNG THỊ HUYỀN TRANG	2278101030734	K67A-QTDLLH	3.65	Tốt	Giỏi	7,875,000
4	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	2278101030445	K67A-QTDLLH	3.64	Tốt	Giỏi	7,875,000
2.10. Ngành Chế biến lâm sản							9,020,000
1	LÊ TRUNG BẮC	2273401010410	K67A-CBLS	3.75	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2.11. Ngành Thú y							18,040,000
1	NGUYỄN ĐỖ HẠNH TRANG	2276401010536	K67A-Thú y	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	TRẦN NGỌC THẮNG	2276401010421	K67A-Thú y	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2.12. Ngành Thiết kế nội thất							27,060,000
1	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	2275801080325	K67A-TKNT	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	BÙI GIA TƯỜNG	2275801080404	K67A-TKNT	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
3	VŨ THỊ HỒNG NHỊ	2275801080326	K67A-TKNT	3.93	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2.13. Ngành Hệ thống thông tin							32,800,000
1	CÀ HOÀNG HUY	2274801040668	K67A-HTTT	3.09	Tốt	Khá	8,200,000
2	PHẠM ANH TUẤN	2274801040495	K67A-HTTT	2.82	Tốt	Khá	8,200,000
3	MAI THÀNH ĐẠT	2274801040199	K67A-HTTT	2.79	Tốt	Khá	8,200,000
4	CHEO OÁI SƠN	2274801040349	K67A-HTTT	2.57	Khá	Khá	8,200,000
2.14. Ngành Công tác xã hội							8,250,000
1	NGUYỄN THỊ HIỀN GIANG	2277601010896	K67A-CTXH	3.75	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
2.15. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô							43,870,000
1	TRẦN THANH THÁI	2275102050333	K67A-CNKTOTC	3.88	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	BẠCH VĂN THÀNH HƯNG	2275102050753	K67A-CNKTOTC	3.65	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
3	LÊ HOÀNG ANH	2275102050271	K67A-CNKTOTC	3.73	Tốt	Giỏi	8,610,000
4	NGUYỄN ĐẶC TRỌNG TÂN	2278101030630	K67A-CNKTOTC	3.41	Tốt	Giỏi	8,610,000

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Điểm học	Kết quả rèn	Loại học	Số tiền (đồng)
5	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	2275102050375	K67A-CNKTOTC	3.23	Tốt	Giỏi	8,610,000
III. Khóa 68							506,195,000
3.1. Ngành Thiết kế nội thất							26,240,000
1	TẠ ĐỨC THẮNG	23680295	K68A_TKNT	3.73	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	NGUYỄN THỊ CHÂM	23680609	K68A_TKNT	3.88	Tốt	Giỏi	8,610,000
3	NGUYỄN THỊ UYÊN NHI	23680332	K68A_TKNT	3.87	Tốt	Giỏi	8,610,000
3.2. Ngành Kiến trúc cảnh quan							9,020,000
1	NGUYỄN VĂN VŨNG	23680371	K68A-KTCQ	3.69	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
3.3. Ngành Quản lý tài nguyên rừng							43,050,000
1	CHẢO A LỊCH	23680740	K68A-QLTNR	3.59	Tốt	Giỏi	8,610,000
2	HOÀNG VĂN DŨNG	23680711	K68A-QLTNR	3.58	Xuất sắc	Giỏi	8,610,000
3	ĐÀO DUY MẠNH	23680501	K68A-QLTNR	3.5	Tốt	Giỏi	8,610,000
4	SÙNG MINH THU	23680717	K68A-QLTNR	3.50	Tốt	Giỏi	8,610,000
5	NGUYỄN THU QUỲNH	23680688	K68A-QLTNR	3.46	Xuất sắc	Giỏi	8,610,000
3.4. Ngành Thú y							35,670,000
1	HÀ THỊ MAI	23680389	K68A-Thú y	3.91	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	NGUYỄN HOÀI NAM	23680432	K68A-Thú y	3.84	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
3	ĐỖ THỊ MINH NGỌC	23680217	K68A-Thú y	3.81	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
4	BÙI TỐ UYÊN	23680131	K68A-Thú y	3.63	Tốt	Giỏi	8,610,000
3.5. Ngành Kỹ thuật xây dựng							8,610,000
1	NGUYỄN PHI LONG	23680758	K68A-KTXD	3.41	Xuất sắc	Giỏi	8,610,000
3.6. Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường							7,875,000
1	ĐINH CÔNG VINH	23680249	K68A-QLTN&M	3.45	Tốt	Giỏi	7,875,000
3.7. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành							31,875,000
1	CAO PHÚ CƯỜNG	23680276	K68A-DLLH	3.74	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
2	LÊ HOÀNG CÔNG NHẬT	23680314	K68A-DLLH	3.74	Tốt	Giỏi	7,875,000
3	NGUYỄN NHẬT PHƯỢNG	23680246	K68A-DLLH	3.68	Tốt	Giỏi	7,875,000
4	LÊ THẢO MY	23680866	K68A-DLLH	3.47	Tốt	Giỏi	7,875,000
3.8. Ngành Công nghệ sinh học							16,340,000
1	NGUYỄN THỊ TRANG	23680707	K68A-CNSH	3.7	Xuất sắc	Xuất sắc	8,360,000
2	TRẦN KHÁNH LY	23680490	K68A-CNSH	3.50	Tốt	Giỏi	7,980,000
3.9. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô							26,240,000
1	VÕ THÁI XUÂN TÚ	23680386	K68A-CNOTO	3.65	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	HOÀNG BẢO LÂM	23680405	K68A-CNOTO	3.59	Xuất sắc	Giỏi	8,610,000
3	NGUYỄN VĂN QUỐC	23680549	K68A-CNOTO	3.48	Tốt	Giỏi	8,610,000
3.10. Ngành Hệ thống thông tin							25,010,000
1	LÊ ĐỨC TÚ	23680383	K68A-HTTT	3.21	Tốt	Giỏi	8,610,000
2	PHẠM HỮU QUANG VINH	23680491	K68A-HTTT	3.13	Xuất sắc	Khá	8,200,000
3	DƯƠNG THỊ HOÀNG DIỆU	23680300	K68A-HTTT	3.13	Xuất sắc	Khá	8,200,000
3.11. Ngành Lâm sinh							36,080,000
1	VƯƠNG VIỆT HOÀNG	23680472	K68A-Lâm sinh	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	LÒ THỊ THUỶ	23680482	K68A-Lâm sinh	3.92	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
3	HOÀNG THANH HẰNG	23680166	K68A-Lâm sinh	3.83	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
4	LÊ THỊ YÊN NHI	23680674	K68A-Lâm sinh	3,78	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
3.12. Ngành Kế toán							104,340,000
1	DƯƠNG THỊ KIM DUYÊN	23680437	K68A Kế toán	3.9	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
2	VŨ THỊ TRINH	23680827	K68B Kế toán	3.68	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
3	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	23680756	K68B Kế toán	3.95	Tốt	Giỏi	7,402,500

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Điểm học	Kết quả rèn	Loại học	Số tiền (đồng)
4	BÙI BÍCH NGỌC	23680460	K68A Kế toán	3.76	Tốt	Giỏi	7,402,500
5	ĐÀO THỊ NHƯ QUỲNH	23680734	K68B Kế toán	3.74	Tốt	Giỏi	7,402,500
6	ĐÀO HOÀNG TƯỜNG VY	23680779	K68B Kế toán	3.74	Tốt	Giỏi	7,402,500
7	ĐỖ LAN PHƯƠNG	23680360	K68B Kế toán	3.73	Tốt	Giỏi	7,402,500
8	BÙI THANH HUYỀN	23680178	K68B Kế toán	3.65	Tốt	Giỏi	7,402,500
9	TÔ THỊ TRẢ GIANG	23680595	K68A Kế toán	3.6	Tốt	Giỏi	7,402,500
10	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	23680611	K68B Kế toán	3.60	Tốt	Giỏi	7,402,500
11	ĐỖ THỊ NHUNG	23680762	K68B Kế toán	3.53	Tốt	Giỏi	7,402,500
12	NGUYỄN THỊ MAI ANH	23680435	K68A Kế toán	3.53	Tốt	Giỏi	7,402,500
13	PHÙNG THỊ DIỄM QUỲNH	23680325	K68A Kế toán	3.53	Tốt	Giỏi	7,402,500
14	ĐOÀN THỊ THUY LINH	23680345	K68A Kế toán	3.5	Tốt	Giỏi	7,402,500
3.13. Ngành Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng							25,830,000
1	ĐINH NGUYỄN THÙY DƯƠNG	23680321	K68A-Logistics_	3.7	Tốt	Giỏi	8,610,000
2	NGÔ VĂN LỘC	23680283	K68A-Logistics_	3.42	Xuất sắc	Giỏi	8,610,000
3	VŨ TUYẾT NHUNG	23680608	K68A-Logistics_	3.33	Tốt	Giỏi	8,610,000
3.14. Ngành Quản trị kinh doanh							37,717,500
1	HOÀNG DIỆU THÚY	23680807	K68A-QTKD	3.88	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
2	VƯƠNG HỒNG THỦY	23680148	K68A-QTKD	3.74	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
3	TẶNG THỊ HUỆ	23680500	K68A-QTKD	3.58	Tốt	Giỏi	7,402,500
4	LÊ THỊ HƯƠNG DỊU	23680878	K68A-QTKD	3.29	Xuất sắc	Giỏi	7,402,500
5	CHU THỊ DUYỀN	23680194	K68A-QTKD	3,29	Tốt	Giỏi	7,402,500
3.15. Ngành Tài chính ngân hàng							22,912,500
1	NGUYỄN THANH THÚY	23680666	K68A-TCNH	4.0	Xuất sắc	Xuất Sắc	7,755,000
2	VŨ THỊ THOM	23680671	K68A-TCNH	3.71	Xuất sắc	Xuất Sắc	7,755,000
3	HOÀNG ĐỨC LƯƠNG	23680390	K68A-TCNH	4.0	Tốt	Giỏi	7,402,500
3.16. Ngành Kinh tế							24,375,000
1	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	23680697	K68A-Kinh tế	4	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
2	NGUYỄN ĐẮC DUY	23680542	K68A-Kinh tế	3.63	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
3	ĐỖ TÁT TRƯỜNG GIANG	23680861	K68A-Kinh tế	3.58	Xuất sắc	Giỏi	7,875,000
3.17. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử							25,010,000
1	ĐẶNG PHÚC TOÀN	23680761	K68A-CNCĐ	3.45	Tốt	Giỏi	8,610,000
2	LÊ BẢO LONG	23680511	K68A-CNCĐ	3.18	Tốt	Khá	8,200,000
3	NGUYỄN MẠNH QUÂN	23680516	K68A-CNCĐ	3.17	Tốt	Khá	8,200,000
IV. Khóa 69							631,834,000
4.1. Ngành Thú y							42,640,000
1	TRỊNH TÙNG	24690866	K69A-THÚ Y	3.83	Tốt	Giỏi	8,610,000
2	LÊ HẢI HÀ	24690569	K69A-THÚ Y	3.47	Tốt	Giỏi	8,610,000
3	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	24690362	K69A-THÚ Y	3.38	Tốt	Giỏi	8,610,000
4	NGUYỄN TIẾN THUẬN	24690970	K69A-THÚ Y	3.31	Khá	Khá	8,200,000
5	PHẠM PHƯƠNG UYÊN	24690524	K69A-THÚ Y	3.28	Tốt	Giỏi	8,610,000
4.2. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử							25,830,000
1	NGUYỄN PHI LONG	24691319	K69A-CNCĐT	3.64	Tốt	Giỏi	8,610,000
2	LƯU THÀNH ĐẠT	24690323	K69A-CNCĐT	3.56	Tốt	Giỏi	8,610,000
3	VƯƠNG THỊ HIỀN	24690493	K69A-CNCĐT	3.36	Xuất sắc	Giỏi	8,610,000
4.3. Ngành Kiến trúc cảnh quan							8,610,000
1	ĐOÀN HẢI NAM SAN	24690573	K69A-KTCQ	3.37	Xuất sắc	Giỏi	8,610,000
4.4. Ngành Quản lý tài nguyên thiên nhiên							16,681,500
1	TRẦN SONG THƠ	24690658	K69-QLTNTN (A	4	Xuất sắc	Xuất sắc	16,681,500

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Điểm học	Kết quả rèn	Loại học	Số tiền (đồng)
4.5. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành							56,250,000
1	TRẦN THỊ NGỌC LINH	24690321	K69B-DLLH	3.88	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
2	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	24690676	K69B-DLLH	3.76	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
3	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	24691030	K69B-DLLH	3.75	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
4	ĐƯỜNG THỊ THU MINH	24691058	K69A-DLLH	3.84	Tốt	Giỏi	7,875,000
5	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	24691065	K69A-DLLH	3.82	Tốt	Giỏi	7,875,000
6	VŨ ANH TUẤN	24690858	K69B-DLLH	3.78	Tốt	Giỏi	7,875,000
7	NGÔ THỊ PHƯƠNG ANH	24691264	K69A-DLLH	3.67	Tốt	Giỏi	7,875,000
4.6. Ngành Tài chính ngân hàng							14,805,000
1	TRỊNH THỊ THANH NGA	24691332	K69A-TCNH	3.95	Tốt	Giỏi	7,402,500
2	NGUYỄN THỊ TÔ NHƯ	24691339	K69A-TCNH	3.56	Xuất sắc	Giỏi	7,402,500
4.7. Ngành Hệ thống thông tin							34,440,000
1	HOÀNG HƯƠNG TRÀ	24691340	K69A-HTTT	3.75	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	NGUYỄN DUY ĐẠT	24690399	K69A-HTTT	3.61	Tốt	Giỏi	8,610,000
3	BẠCH NGỌC SÁNG	24690484	K69A-HTTT	3.55	Tốt	Giỏi	8,610,000
4	LÊ NGỌC BẢO	24690869	K69A-HTTT	3.19	Tốt	Khá	8,200,000
4.8. Ngành Kế toán							68,385,000
1	NGUYỄN VĂN NAM	24690798	K69A-KẾ TOÁN	3.84	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
2	LƯƠNG THỦY TIÊN	24691229	K69A-KẾ TOÁN	3.81	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
3	NGÔ MAI LOAN	24690285	K69A-KẾ TOÁN	3.76	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
4	TRẦN NGUYỄN THẢO NGUYỄN	24691016	K69B-KẾ TOÁN	3.73	Tốt	Giỏi	7,402,500
5	TRẦN NGUYỄN TRIỆU VY	24690667	K69B-KẾ TOÁN	3.68	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
6	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGUYỄN	24690374	K69A-KẾ TOÁN	3.65	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
7	TRẦN THỊ HỒNG LĨNH	24691308	K69A-KẾ TOÁN	3.62	Tốt	Giỏi	7,402,500
8	ĐINH THU HẰNG	24690254	K69A-KẾ TOÁN	3.6	Tốt	Giỏi	7,402,500
9	HOÀNG THỊ THU THẢO	24691068	K69A-KẾ TOÁN	3.56	Tốt	Giỏi	7,402,500
4.9. Ngành Quản lý tài nguyên rừng							60,270,000
1	MAI VIỆT QUANG	24690412	K69A-QLTNR	3.44	Tốt	Giỏi	8,610,000
2	TRIỆU THỊ NGUYỆT ÁNH	24690670	K69A-QLTNR	3.44	Tốt	Giỏi	8,610,000
3	HOÀNG TRIỆU LÝ	24691447	K69A-QLTNR	3.42	Tốt	Giỏi	8,610,000
4	NGUYỄN ANH TÀI	24690865	K69B-QLTNR	3.35	Tốt	Giỏi	8,610,000
5	NGUYỄN ĐỨC TUYẾN	24690720	K69B-QLTNR	3.34	Tốt	Giỏi	8,610,000
6	HẰNG A DI	24691245	K69A-QLTNR	3.24	Tốt	Giỏi	8,610,000
7	HẰNG A DŨNG	24691136	K69A-QLTNR	3,21	Tốt	Giỏi	8,610,000
4.10. Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường							7,875,000
1	TRẦN THỊ THANH THƯ	24691362	K69A-QLTN&M	3.36	Tốt	Giỏi	7,875,000
4.11. Ngành Quản trị kinh doanh							44,767,500
1	PHÙNG THỊ HỒNG NGỌC	24691177	K69B-QTKD	3.81	Xuất sắc	Xuất sắc	7,755,000
2	NGÔ MAI CHI	24690364	K69A-QTKD	3.63	Tốt	Giỏi	7,402,500
3	PHẠM PHƯƠNG KHÁNH	24691279	K69B-QTKD	3.56	Xuất sắc	Giỏi	7,402,500
4	TRẦN KHÁNH DŨ	24690404	K69A-QTKD	3.55	Tốt	Giỏi	7,402,500
5	NGUYỄN MAI TRANG	24690767	K69B-QTKD	3.53	Xuất sắc	Giỏi	7,402,500
6	VŨ THỊ CẨM LY	24691239	K69B-QTKD	3.53	Tốt	Giỏi	7,402,500
4.12. Ngành Công nghệ sinh học							15,960,000
1	HOÀNG ĐIỀU LINH	24691271	K69A-CNSH	3.5	Xuất sắc	Giỏi	7,980,000
2	PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	24690944	K69A-CNSH	3,44	Xuất sắc	Giỏi	7,980,000
4.13. Ngành Kỹ thuật xây dựng							8,200,000
1	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	24690472	K69A-KTXD	3.16	Xuất sắc	Khá	8,200,000

STT	Họ và tên	Mã sinh viên	Lớp	Điểm học	Kết quả rèn	Loại học	Số tiền (đồng)
4.14. Ngành Lâm sinh							26,240,000
1	TRIỆU ĐÌNH LỘC	24690334	K69A-LÂM SINH	3.94	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	PHẠM VĂN HOÀN	24690490	K69A-LÂM SINH	3.58	Xuất sắc	Giỏi	8,610,000
3	ĐÀO THÙY TRANG	24690335	K69A-LÂM SINH	3.56	Xuất sắc	Giỏi	8,610,000
4.15. Ngành Quản lý đất đai							46,875,000
1	NGUYỄN HỒNG NGỌC	24691296	K69A-QLĐĐ	3.93	Tốt	Giỏi	7,875,000
2	HÀ KIM NGÂN	24690724	K69A-QLĐĐ	3.59	Tốt	Giỏi	7,875,000
3	TRẦN MINH ÁNH	24690695	K69A-QLĐĐ	3.4	Xuất sắc	Giỏi	7,875,000
4	NGÔ XUÂN THẮNG	24691440	K69A-QLĐĐ	3.33	Tốt	Giỏi	7,875,000
5	NGUYỄN HÀ MINH TÚ	24691269	K69A-QLĐĐ	3.27	Tốt	Giỏi	7,875,000
6	KIM NHẬT LINH	24690441	K69A-QLĐĐ	2.7	Xuất sắc	Khá	7,500,000
4.16. Ngành Kỹ thuật cơ khí							16,810,000
1	LÊ ĐỨC TÀI	24691397	K69A-KTCK	3.25	Tốt	Giỏi	8,610,000
2	HOÀNG VĂN NGHĨA	24691411	K69A-KTCK	2.81	Khá	Khá	8,200,000
4.17. Ngành Thiết kế nội thất							27,060,000
1	NGUYỄN QUANG ĐỨC AN	24690539	K69A-TKNT	4	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	NGUYỄN NGỌC VIỆT	24690632	K69A-TKNT	3.92	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
3	PHẠM MAI ANH	24691055	K69A-TKNT	3.89	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
4.18. Ngành Công tác xã hội							7,500,000
1	HÀ THỊ XUYỀN	24690596	K69A-CTXH	3	Xuất sắc	Khá	7,500,000
4.19. Ngành Logistic và quản lý chuỗi cung ứng							35,670,000
1	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	24691022	K69A-LOGISTIC	3.72	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	TRẦN MẠNH THƯỜNG	24690719	K69A-LOGISTIC	3.67	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
3	TRẦN NGUYỄN BẢO VI	24691042	K69A-LOGISTIC	3.61	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
4	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	24691286	K69A-LOGISTIC	3.53	Xuất sắc	Giỏi	8,610,000
4.20. Ngành Kinh tế							16,125,000
1	NGUYỄN THỊ MÂY	24690884	K69A-KINH TẾ	3.72	Xuất sắc	Xuất sắc	8,250,000
2	NGUYỄN HẢI YẾN	24691280	K69A-KINH TẾ	3.64	Tốt	Giỏi	7,875,000
4.21. Ngành Chế biến lâm sản							8,200,000
1	TẠ THỊ THANH THẢO	24691044	K69A-CNCBLS	3.17	Xuất sắc	Khá	8,200,000
4.22. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô							42,640,000
1	PHẠM GIA PHÚC	24691218	K69A-CNOTO	3.73	Xuất sắc	Xuất sắc	9,020,000
2	VŨ ĐỨC VƯƠNG HOÀNG	24691165	K69A-CNOTO	3.67	Tốt	Giỏi	8,610,000
3	VÌ QUỐC KHÁNH	24690408	K69A-CNOTO	3.36	Xuất sắc	Giỏi	8,610,000
4	ĐOÀN TRUNG ĐỨC	24690367	K69A-CNOTO	3.31	Khá	Khá	8,200,000
5	NGUYỄN ĐẮC THANH	24691170	K69A-CNOTO	3.19	Tốt	Khá	8,200,000
Tổng cộng							1,716,039,000